

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 6 -2020

V/v tranh chấp “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Anh.
2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 118/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXHNGĐ-ST ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 26, đường T, khu phố 3, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 59, ấp M, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Lê Trường C, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số nhà 26, đường T, khu phố 3, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

Bà H có mặt, ông C vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn của bà Huỳnh Thị H, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu của nguyên đơn - Bà Huỳnh Thị H trình bày: Vào năm 2012, bà H và ông C tự tìm hiểu nhau, yêu thương nhau và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới. Đến ngày 16 tháng 10 năm 2012 ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M (nay là thị xã K), tỉnh Long An. Ông bà tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C thường xuyên nhậu về nhà kiếm chuyện chửi và cãi nhau với bà H. Sự việc này cứ lặp đi lặp lại và kéo dài đến nay. Từ tháng 10 năm 2019 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên bà H xin ly hôn với ông C, trả lại tự do cho nhau; về con chung: Bà H xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Lê Phú T, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2014, giới tính nam. Khi ly hôn, bà H đồng ý giao cho ông C được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu T đến tròn 18 tuổi vì cháu T hiện nay đang ở chung với ông C. Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng; về tài sản chung: Bà H và ông C tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Bà H xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi nhận được hồ sơ khởi kiện của bà H, Tòa án nhân dân thị xã K tiến hành thụ lý giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Tòa án nhân dân thị xã K đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tổng đạt H lệ cho ông C nhưng ông C không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo các thông báo của Tòa án. Đồng thời, ông C cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của ông C cho Tòa án biết về việc bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông C. Do đó, các phiên hòa giải không thể tiến hành được theo quy định pháp luật nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn và tranh chấp về nuôi con, bị đơn là ông C có địa chỉ tại

phường 2, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của ông C tại phiên tòa: Ông C đã được Tòa án tổng đạt H lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C là phù H theo các Điều 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Từ tháng 10 năm 2019 đến nay, bà H và ông C đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H, xử cho bà H được ly hôn với ông C là có căn cứ phù H với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử cần xem xét ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc tiếp tục giao cháu T cho ông C được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi và ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2020 đến khi cháu T tròn 18 tuổi là có căn cứ phù H với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Bà H và ông C tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà H xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Áp dụng các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Huỳnh Thị H, xử cho bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Lê Trường C.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị H về việc tiếp tục giao người con chung tên Lê Phú T, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2014, giới tính nam cho ông Lê Trường C được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị H về việc bà Huỳnh Thị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lê Phú T hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2020 đến khi cháu Lê Phú T tròn 18 tuổi.

Bà Huỳnh Thị H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở bà Huỳnh Thị H thực hiện quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con thì theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Buộc bà Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007375 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Bà Huỳnh Thị H còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt H lệ.

Trường H bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Dương sự;
- UBND phường 1;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Ngô Thị Kim Diệu**

